

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT
VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 – 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024	09 – 10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024	11 – 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2024	13 – 39

Phụ lục

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2024 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên** do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Mã số doanh nghiệp **3800100513**; đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14 tháng 10 năm 2024 nhằm bổ sung vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : **505.500.000.000 Đồng**

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh:

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 725 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại : (0271) 387 0296

Fax : (0271) 387 0318

Mã số DN : **3 8 0 0 1 0 0 5 1 3**

Khách sạn Bombo – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước

Địa chỉ : Số 685 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Mã số DN : **3 8 0 0 1 0 0 5 1 3 – 0 0 1**

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Xuân Hiệp

Ban Điều hành Công ty

- | | | |
|--------|------------------|--|
| 1. Ông | Nguyễn Đăng Khoa | Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 2. Ông | Trần Văn Sang | Phó Giám đốc |
| 3. Ông | Nguyễn Xuân Cử | Kế toán trưởng |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2024 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 39.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2024 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2024 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Giám đốc - Nguyễn Đăng Khoa

Thành phố Đồng Xoài, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Số: 2806.02.03/2025/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP
 BÌNH PHƯỚC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2024 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được lập ngày 26 tháng 02 năm 2025, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2024 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các

chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2024 kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1762-2023-124-1*

Kiểm toán viên – Nguyễn Thị Huyền Trang

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4287-2023-124-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.205.359.775.290	1.066.297.520.954
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		853.595.845.049	756.812.669.787
111	1. Tiền	V.1	21.090.823.482	236.721.206.482
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	832.505.021.567	520.091.463.305
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		116.794.073.022	111.211.896.160
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	116.794.073.022	111.211.896.160
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		218.924.661.957	188.031.417.315
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	217.118.361.044	187.663.644.164
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	1.478.051.189	219.278.356
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	328.149.724	148.244.795
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		100.000	250.000
140	IV. Hàng tồn kho		4.665.964.883	3.773.421.448
141	1. Hàng tồn kho	V.7	4.665.964.883	3.773.421.448
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.379.230.379	6.468.116.244
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	11.329.196.537	6.389.671.515
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.9	50.033.842	78.444.729
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		96.454.953.955	99.434.710.254
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.000.000	22.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.10	22.000.000	22.000.000
220	II. Tài sản cố định		80.154.695.764	83.867.962.131
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	65.679.195.764	69.392.462.131
222	- Nguyên giá		109.008.037.615	108.958.797.615
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(43.328.841.851)	(39.566.335.484)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	14.475.500.000	14.475.500.000
228	- Nguyên giá		15.630.750.000	15.630.750.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.155.250.000)	(1.155.250.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.291.302.387	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	2.291.302.387	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		12.500.000.000	12.500.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.14	12.500.000.000	12.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.486.955.804	3.044.748.123
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.15	1.486.955.804	3.044.748.123
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.301.814.729.245	1.165.732.231.208

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		796.314.729.245	660.232.231.208
310	I. Nợ ngắn hạn		664.814.729.245	551.232.231.208
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	9.705.050.247	2.735.774.344
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	30.974.915	32.084.240
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	602.432.841.737	489.555.098.703
314	4. Phải trả người lao động	V.19	10.039.573.712	7.694.111.603
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	5.064.801.784	19.334.600.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.21	647.289.405	731.849.455
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.22	36.894.197.445	31.148.712.863
330	II. Nợ dài hạn		131.500.000.000	109.000.000.000
354	1. Dự phòng rủi ro trả thưởng	V.23	131.500.000.000	109.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		505.500.000.000	505.500.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.24	505.500.000.000	505.500.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.24.1	505.500.000.000	413.400.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.24.2	-	92.100.000.000
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.301.814.729.245	1.165.732.231.208

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.752.216.046	1.752.216.046
	2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		366.982.210.476	331.574.106.720
	3. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		130.000.000.000	120.000.000.000

Thành phố Đồng Xoài, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Xuân Cừ

Nguyễn Đăng Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	VI.25	4.536.627.581.551	4.182.290.196.521
01.1	1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		4.521.739.827.272	4.166.709.981.817
01.1.1	1.1.1 <i>Xổ số truyền thống</i>		4.494.520.681.818	4.147.558.781.817
01.1.2	1.1.2 <i>Xổ số tự chọn</i>		27.219.145.454	19.151.200.000
01.2	1.2 Doanh thu khác		1.009.007.407	1.020.473.472
01.3	1.3 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.878.746.872	14.559.741.232
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.25	589.792.151.384	543.490.274.310
02.1	2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		589.792.151.384	543.483.910.674
02.1.1	2.1.1 <i>Xổ số truyền thống</i>		586.241.828.062	540.985.928.065
01.1.2	2.1.2 <i>Xổ số tự chọn</i>		3.550.323.322	2.497.982.609
02.2	2.2 Giảm trừ doanh thu khác		-	-
02.3	2.3 Giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	6.363.636
10	3. Doanh thu thuần	VI.25	3.946.835.430.167	3.638.799.922.211
10.1	3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		3.931.947.675.888	3.623.226.071.143
10.1.1	3.1.1 <i>Xổ số truyền thống</i>		3.908.278.853.756	3.606.572.853.752
10.1.2	3.1.2 <i>Xổ số tự chọn</i>		23.668.822.132	16.653.217.391
10.2	3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác		1.009.007.407	1.020.473.472
10.3	3.3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.878.746.872	14.553.377.596
11	4. Chi phí kinh doanh	VI.26	3.309.968.962.439	3.005.283.285.825
11.1	4.1 Chi phí kinh doanh xổ số		3.298.488.159.853	2.993.789.651.500
11.1.1	4.1.1 <i>Chi phí trả thưởng</i>		2.464.382.141.000	2.248.562.570.000
11.1.2	4.1.2 <i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số</i>		834.106.018.853	745.227.081.500
11.2	4.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp		11.480.802.586	11.493.634.325
20	5. Lợi nhuận gộp		636.866.467.728	633.516.636.386
20.1	5.1 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số		633.459.516.035	629.436.419.643
20.2	5.2 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác		1.009.007.407	1.020.473.472
20.3	5.3 Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.397.944.286	3.059.743.271
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.27	29.087.290.481	22.442.474.808

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.28	135.806.609.498	133.656.756.523
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		530.147.148.711	522.302.354.671
31	10. Thu nhập khác	VI.29	262.366.298	318.058.754
32	11. Chi phí khác	VI.30	332.276.220	268.556.382
40	12. Lợi nhuận khác		(69.909.922)	49.502.372
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		530.077.238.789	522.351.857.043
51	14. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.31	108.207.459.925	106.974.577.752
60	15. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		421.869.778.864	415.377.279.291

Thành phố Đồng Xoài, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Xuân Cử

Nguyễn Đăng Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		4.249.958.982.926	3.897.185.081.165
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(136.861.751.328)	(124.163.138.829)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(41.956.704.006)	(40.581.598.780)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.18	(91.279.336.422)	(32.921.732.073)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		184.931.481.881	161.023.442.339
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.783.426.562.216)	(3.398.662.559.476)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		381.366.110.835	461.879.494.346
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(128.341.851)	(1.756.361.509)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	71.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.3	(1.000.000.000)	(20.009.439.700)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1.499.439.775
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.454.500.002	18.304.767.619
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		23.326.158.151	(1.889.775.633)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.18	(307.909.093.724)	(210.942.764.542)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(307.909.093.724)	(210.942.764.542)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		96.783.175.262	249.046.954.171
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	756.812.669.787	507.765.715.616
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	853.595.845.049	756.812.669.787

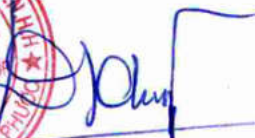
Thành phố Đồng Xoài, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

Nguyễn Xuân Cử

Nguyễn Đăng Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2024 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước.

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xổ số Kiến thiết và các dịch vụ vui chơi có thưởng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

- ❖ **Khách sạn Bombo** – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước thành lập ngày 27 tháng 6 năm 2013:

Địa chỉ : Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Mã số : 3800100513-001

- ❖ **Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh** địa chỉ số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

1036
CÔNG TY
MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG HỢP
ÂM
TP. V

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại:

- Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.
- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

5.1 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính.

- Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
+ Máy móc, thiết bị	05 - 20
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08
+ Tài sản cố định khác	15 - 25

5.2 Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.
- TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ Quyền sử dụng đất

- Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);
- Chi trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

❖ Phần mềm máy vi tính

- Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính

❖ Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

7. Chi phí trả trước

- Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán.
- Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.
- Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí sửa chữa và các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán / người mua trả tiền trước: là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;
- Các khoản phải trả khác: là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả ...).

10. Dự phòng rủi ro trả thưởng

- Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật và tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ.
- Điều kiện trích lập: Trong kỳ trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.
- Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Mức trích lập của Công ty đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập.
- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì được hoàn nhập vào thu nhập khác.

(Dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sò giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam).

11. Vốn chủ sở hữu

❖ **Vốn góp của chủ sở hữu**

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

❖ **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

❖ **Trích lập các quỹ**

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích tối đa 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển;
- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp;
- Phần lợi nhuận còn lại được nộp về ngân sách nhà nước.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được sự chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

(Thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp).

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép và doanh thu từ hoạt động thương mại, dịch vụ, tài chính khác;
- Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

❖ **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được ghi nhận là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động này được quản lý theo hai tiêu chí: “Doanh thu có thuế” và “Doanh thu chưa có thuế”

- **“Doanh thu có thuế”** là doanh thu đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giá.
- **“Doanh thu chưa có thuế”** là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

❖ **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp

3848
TỶ
HỮU H
IẢN
I VIỆ
HỒ

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

luật cho phép là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

❖ **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn dựa trên Biên bản xác nhận khối lượng thành phẩm được giao của bên mua hàng;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

13. Các khoản chi phí

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu, riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh. Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.
- Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp kinh

doanh xổ số được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

14. Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chủ yếu kinh doanh trong lĩnh vực xổ số (lĩnh vực kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể), đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện tại Việt Nam, không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực đại lý.

16. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại **Khoản 3, Mục VII – Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

	ĐVT: Đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	1.218.956.601	40.612.794.650
- Tiền gửi ngân hàng	19.871.866.881	196.108.411.832
Cộng	21.090.823.482	236.721.206.482

2. Các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	30.119.671.233	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Bình Phước	73.234.804.136	50.722.125.882
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước	198.021.238.356	90.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á CN Bình Phước	163.493.289.210	143.357.084.867
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước	35.228.196.051	27.506.694.395
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Khởi	52.387.167.895	10.735.093.080
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước	155.605.771.892	131.258.605.828
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hàm Nghi	72.660.692.119	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước	39.541.027.239	40.611.859.253
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bình Phước	12.213.163.436	-
	832.505.021.567	520.091.463.305

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn, chi tiết như sau:

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước	38.531.621.608	37.946.012.451
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	75.587.780.662	70.763.133.357
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước	2.674.670.752	2.502.750.352
Cộng	116.794.073.022	111.211.896.160

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2024

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền vé số còn phải thu của các đại lý	214.356.672.237	184.299.212.291
+ Mai Hữu Ảnh	16.150.202.879	14.478.092.286
+ Hà Thị Thùy Trang	8.153.249.999	7.519.387.902
+ Nguyễn Đức Đây	5.484.540.530	5.270.295.480
+ Trần Văn Sang	5.137.479.580	5.723.028.010
+ Nguyễn Phú Thương	5.309.941.216	5.026.177.216
+ Nguyễn Khắc Duy	6.334.081.609	5.255.770.454
+ Nguyễn Văn Triệu	3.495.430.030	4.194.028.030
+ Nguyễn Thị Thiên	8.938.683.425	6.593.618.475
+ Trần Diễm Trang	7.473.784.388	6.378.303.273
+ Trần Vũ Anh Đào	6.932.196.170	6.245.329.375
+ Bùi Thị Xuân Kiều	3.458.309.825	3.526.284.325
+ Lương Quang Thạch	4.285.303.305	3.823.600.305
+ Phan Văn Thái	4.378.686.330	2.649.899.000
+ Huỳnh Trần Nguyên Vũ	4.258.276.510	3.518.235.000
+ Hứa Kim Hùng	3.213.727.200	3.185.659.560
+ Trần Thị Trang	3.675.468.935	3.103.529.435
+ Nguyễn Tấn Khoa	4.042.405.895	3.635.561.555
+ Nguyễn Kế Thanh	4.457.342.275	4.083.877.775
+ Các đối tượng khác	109.177.562.136	90.088.534.835
- Thuế TNDN nộp thay đại lý còn phải thu	2.098.106.372	2.502.342.108
- Phải thu khách hàng Khách sạn Bom Bo	663.582.435	862.089.765
Cộng	217.118.361.044	187.663.644.164

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Techpro	1.111.947.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm Định Xây dựng Sài Gòn	115.900.000	-
- Công ty TNHH May thuê giày An Phước	-	77.200.000
- Công ty CP Tư vấn kiến trúc và Xây dựng TP.HCM	68.862.500	-
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá ASA DRAGON	51.300.000	51.300.000
- Các đối tượng khác	130.041.689	90.778.356
Cộng	1.478.051.189	219.278.356

6. Phải thu ngắn hạn khác

- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	159.787.767	109.174.150
- Phải thu BHXH	133.667.352	-
- Tạm ứng cho nhân viên	-	20.000.000
- Các đối tượng khác	34.694.605	19.070.645
Cộng	328.149.724	148.244.795

7. Hàng tồn kho

- Nguyên vật liệu	150.770.108	206.790.735
- Công cụ, dụng cụ	569.534.815	184.600.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.607.100.000	2.218.900.000
- Hàng hoá	45.059.960	63.130.713
- Hàng gửi bán	1.293.500.000	1.100.000.000
Cộng	4.665.964.883	3.773.421.448

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2024

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Phí bảo hiểm	2.777.024.710	4.233.364.413	4.288.916.602	2.721.472.521
- Quảng cáo	2.754.378.295	17.509.835.229	12.399.562.290	7.864.651.234
- Chi phí sửa chữa	68.633.167	612.878.331	458.755.721	222.755.777
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	378.070.803	195.008.417	470.164.536	102.914.684
- Chi phí khác	411.564.540	835.596.297	829.758.516	417.402.321
Cộng	6.389.671.515	23.386.682.687	18.447.157.665	11.329.196.537

	Số cuối năm	Số đầu năm
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	50.033.842	78.444.729
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa.		
10. Phải thu dài hạn khác	22.000.000	22.000.000
Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.		

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2024

11. Tài sản cố định hữu hình

Chí tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Số đầu năm		75.873.397.891	16.510.445.197	3.495.069.409	2.710.463.960	10.369.421.158	108.958.797.615
- Tăng trong năm		-	49.240.000	-	-	-	49.240.000
- Số cuối năm		75.873.397.891	16.559.685.197	3.495.069.409	2.710.463.960	10.369.421.158	109.008.037.615
Giá trị hao mòn							
- Số đầu năm		17.490.157.591	10.909.789.355	3.304.445.964	2.333.591.336	5.528.351.238	39.566.335.484
- Khấu hao trong năm		1.616.414.368	1.345.084.367	97.731.619	107.152.500	596.123.513	3.762.506.367
- Số cuối năm		19.106.571.959	12.254.873.722	3.402.177.583	2.440.743.836	6.124.474.751	43.328.841.851
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm		58.383.240.300	5.600.655.842	190.623.445	376.872.624	4.841.069.920	69.392.462.131
- Tại ngày cuối năm		56.766.825.932	4.304.811.475	92.891.826	269.720.124	4.244.946.407	65.679.195.764
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng							
- Tại ngày đầu năm		2.047.866.800	5.128.457.792	2.507.421.818	1.841.821.299	-	11.525.567.709
- Tại ngày cuối năm		2.047.866.800	5.128.457.792	2.986.832.727	1.841.821.299	-	12.004.978.618

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy vi tính [b]	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số đầu năm		14.475.500.000	1.155.250.000	15.630.750.000
- Số cuối năm		14.475.500.000	1.155.250.000	15.630.750.000
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm		-	1.155.250.000	1.155.250.000
- Số cuối năm		-	1.155.250.000	1.155.250.000
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm		14.475.500.000	-	14.475.500.000
- Tại ngày cuối năm		14.475.500.000	-	14.475.500.000

[a] Giá trị Quyền sử dụng đất lâu dài tại số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM (Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh).

[b] Phần mềm máy tính là phần mềm kế toán và phần mềm quản lý vé số tự chọn.

	Số cuối năm	Số đầu năm
13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.291.302.387	-
Chi phí thực hiện dự án xây dựng hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn và chuyển đổi số.		
14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.500.000.000	12.500.000.000

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cơ sở hạ tầng Bình Phước, số lượng cổ phiếu nắm giữ: 12.500 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu: 1.000.000 Đồng/cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu 8,33% vốn Điều lệ của Công ty được đầu tư.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2024

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Chi phí sửa chữa	2.877.124.341	101.888.889	1.619.852.416	1.359.160.814
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	167.623.782	132.010.000	173.811.013	125.822.769
- Chi phí khác	-	2.840.000	867.779	1.972.221
Cộng	3.044.748.123	236.738.889	1.794.531.208	1.486.955.804

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Đầu tư Quảng cáo Song Hành	6.580.000.000	-
- Công ty TNHH Công nghệ Truyền thông Dữ liệu miền Nam	1.190.010.000	-
- Viễn thông Bình Phước	960.975.000	-
- Công ty TNHH MTV Nhâm Hữu	270.478.384	422.925.336
- Công ty TNHH SX và TM Thanh Thanh	155.233.800	-
- Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước	138.650.199	-
- Công ty TNHH DV Bảo vệ - Vệ sinh Lam Sơn	60.480.000	60.480.000
- Xí nghiệp in Tài chính	-	1.188.000.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tư vấn Đầu tư Thiên Phát	-	293.198.400
- Công ty TNHH MTV Thương mại Tư vấn Đầu tư Xây dựng Minh Đức	-	248.700.000
- Công ty TNHH MTV TT Sự kiện Bảo Khánh	-	101.263.000
- Các đối tượng khác	349.222.864	421.207.608
Cộng	9.705.050.247	2.735.774.344

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

30.974.915

32.084.240

Khách hàng Khách sạn Bom Bo trả trước tiền thuê phòng, đặt tiệc.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	36.890.482.840	447.172.685.641	451.923.579.738	32.139.588.743
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	49.277.718.570	589.792.151.384	594.387.990.119	44.681.879.835
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	88.781.077.162	108.207.459.925	91.279.336.422	105.709.200.665
- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	303.407.352.984	409.632.437.979	307.909.093.724	405.130.697.239
- Thuế Thu nhập cá nhân	11.198.467.147	173.886.841.697	170.313.833.589	14.771.475.255
Trong đó:				
+ Thuế TNCN từ trúng thưởng	8.947.070.000	132.888.500.000	128.931.259.900	12.904.310.100
+ Thuế TNCN Đại lý xổ số	3.038.259.327	37.512.191.158	37.799.848.191	2.750.602.294
+ Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công	(786.862.180)	3.486.150.539	3.582.725.498	(883.437.139)
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(78.444.729)	1.332.780.779	1.304.369.892	(50.033.842)
- Lệ phí môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
- Các khoản phải nộp khác	-	52.369	52.369	-
Cộng	489.476.653.974	1.730.028.409.774	1.617.122.255.853	602.382.807.895
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	489.555.098.703			602.432.841.737
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.9)	(78.444.729)			(50.033.842)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 8% và 10%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 15% trên giá vé phát hành (sau khi loại trừ thuế GTGT).

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐTĐ/DC1/2000 ngày 03/11/2017 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm trụ sở Công ty tại số 725, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm Khách sạn Bom Bo tại Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách

Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Các khoản thuế khác

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thưởng chi cho đại lý.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
19. Phải trả người lao động	10.039.573.712	7.694.111.603

Các khoản thu nhập còn phải trả cho người lao động trong Công ty.

Quỹ lương của Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016; Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

người lao động và người quản lý trong công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số 06/2024/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016; Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Công ty đang thực hiện các thủ tục trình cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 theo quy định của pháp luật.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trả thưởng	4.231.800.000	19.000.000.000
- Các chi phí hoạt động khác	833.001.784	334.600.000
Cộng	5.064.801.784	19.334.600.000

21. Phải trả ngắn hạn khác

- Phải trả chi phí ủy quyền trả thưởng	358.085.484	297.490.204
- Phải chi trả thưởng	-	286.767.275
- Kinh phí công đoàn	96.552.424	97.591.976
- Nhận ký quỹ, ký cược	85.000.000	50.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	107.651.497	-
Cộng	647.289.405	731.849.455

22. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	14.216.807.938	2.371.450.054	12.420.000	949.485.000	15.651.192.992
- Quỹ Phúc lợi	16.511.689.401	9.485.800.217	-	5.134.575.779	20.862.913.839
- Quỹ thưởng Người quản lý DN, KSV	420.215.524	380.090.614	-	420.215.524	380.090.614
Cộng	31.148.712.863	12.237.340.885	12.420.000	6.504.276.303	36.894.197.445

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

23. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Công ty trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng trong năm đối với loại hình xổ số truyền thống. Tại thời điểm trích lập, tỷ lệ trả thưởng thực tế là 49,5%, nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số là 50%. Sau khi trích lập, tỷ lệ chi phí trả thưởng trong năm đã bao gồm chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng là 49,9% và tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của Công ty không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế trong năm của loại hình xổ số truyền thống. Chi tiết tình hình biến động trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	109.000.000.000	109.000.000.000
- Trích trong năm	22.500.000.000	-
- Số cuối năm	131.500.000.000	109.000.000.000

24. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	Năm trước				
24.1	Vốn góp của chủ sở hữu	316.000.000.000	97.400.000.000	-	413.400.000.000
24.2	Quỹ đầu tư phát triển	97.400.000.000	92.100.000.000	97.400.000.000	92.100.000.000
24.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	415.377.279.291	415.377.279.291	-
	Cộng	413.400.000.000	604.877.279.291	512.777.279.291	505.500.000.000
	Năm nay				
24.1	Vốn góp của chủ sở hữu	413.400.000.000	92.100.000.000	-	505.500.000.000
24.2	Quỹ đầu tư phát triển	92.100.000.000	-	92.100.000.000	-
24.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	421.869.778.864	421.869.778.864	-
	Cộng	505.500.000.000	513.969.778.864	513.969.778.864	505.500.000.000

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2024

24.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Trong năm, Công ty đã bổ sung vốn góp của Chủ sở hữu 92.100.000.000 Đồng từ Quỹ đầu tư phát triển theo Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước và Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước phê duyệt mức vốn điều lệ mới của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước.
- Công ty đã điều chỉnh vốn điều lệ đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14/10/2024.

24.2 Quỹ đầu tư phát triển

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	92.100.000.000	97.400.000.000
- Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế	-	92.100.000.000
- Chuyển bổ sung vốn góp của chủ sở hữu	(92.100.000.000)	(97.400.000.000)
- Số cuối năm	-	92.100.000.000

24.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421.869.778.864	415.377.279.291
- Phân phối lợi nhuận năm nay (*)	(421.869.778.864)	(415.377.279.291)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	(92.100.000.000)
+ Trích Quỹ thưởng Người quản lý DN, KSV	(380.090.614)	(294.301.420)
+ Trích Quỹ Khen thưởng	(2.371.450.054)	(3.322.357.466)
+ Trích Quỹ Phúc lợi	(9.485.800.217)	(7.752.167.421)
+ Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	(409.632.437.979)	(311.908.452.984)
- Lợi nhuận năm nay chuyển năm sau	-	-

- (*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024, số liệu này sẽ được điều chỉnh khi có phê duyệt chính thức của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

	ĐVT: Đồng	
	Năm nay	Năm trước
25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	4.536.627.581.551	4.182.290.196.521
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	4.521.739.827.272	4.166.709.981.817
* <i>Xổ số truyền thống</i>	4.494.520.681.818	4.147.558.781.817
* <i>Xổ số tự chọn</i>	27.219.145.454	19.151.200.000
+ Doanh thu bán phế liệu	1.009.007.407	1.020.473.472
+ Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	13.878.746.872	14.559.741.232
- Các khoản giảm trừ doanh thu	589.792.151.384	543.490.274.310
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	589.792.151.384	543.483.910.674
* <i>Xổ số truyền thống</i>	586.241.828.062	540.985.928.065
* <i>Xổ số tự chọn</i>	3.550.323.322	2.497.982.609
+ Chiết khấu thương mại khách sạn Bom Bo	-	6.363.636
- Doanh thu thuần	3.946.835.430.167	3.638.799.922.211
Trong đó:		
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	3.931.947.675.888	3.623.226.071.143
+ Doanh thu bán phế liệu	1.009.007.407	1.020.473.472
+ Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	13.878.746.872	14.553.377.596

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2024

26. Chi phí kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí kinh doanh xổ số	3.298.488.159.853	2.993.789.651.500
+ Chi phí trả thưởng	2.464.382.141.000	2.248.562.570.000
* Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	2.444.000.000.000	2.234.514.300.000
* Chi phí trả thưởng xổ số tự chọn	20.382.141.000	14.048.270.000
+ Chi phí trực tiếp phát hành	834.106.018.853	745.227.081.500
* Chi phí cho các đại lý	750.243.823.102	691.120.778.740
* Chi phí phát hành vé	59.196.820.003	50.872.480.000
* Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	1.163.375.748	2.241.572.760
* Chi phí chống số đề	110.000.000	20.250.000
* Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	22.500.000.000	-
* Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	832.000.000	912.000.000
* Chi phí đóng góp cho Hội đồng XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
- Giá vốn hàng hoá, dịch vụ đã bán	11.480.802.586	11.493.634.325
+ Giá vốn kinh doanh khách sạn Bom Bo	11.480.802.586	11.493.634.325
Tổng cộng	3.309.968.962.439	3.005.283.285.825

27. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi ngân hàng	20.424.320.654	17.903.114.808
- Lãi đầu tư trái phiếu	-	41.160.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.662.969.827	4.498.200.000
Cộng	29.087.290.481	22.442.474.808

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2024

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	63.465.427.631	58.090.675.939
- Chi phí vật liệu quản lý	1.284.264.699	1.158.976.255
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.095.796.030	1.624.968.429
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.880.403.667	1.891.973.399
- Thuế, phí và lệ phí	1.398.771.613	1.687.530.768
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.729.266.528	6.148.170.682
- Chi phí bằng tiền khác	34.952.679.330	63.054.461.051
Cộng	135.806.609.498	133.656.756.523

29. Thu nhập khác

- Thu từ thanh lý TSCĐ	17.792.593	71.818.182
- Thu thù lao thu hộ vé	190.545.457	190.545.456
- Thu phí dịch vụ SMS	24.181.818	20.181.818
- Thu nhập khác	29.846.430	35.513.298
Cộng	262.366.298	318.058.754

30. Chi phí khác

- Thanh lý tài sản	-	28.440.776
- Chi thù lao thu hộ vé	190.545.457	190.545.457
- Chi phí bán giấy phếp liệu	48.100.000	44.400.000
- Các khoản chậm nộp	87.487.575	-
- Chi phí khác	6.143.188	5.170.149
Cộng	332.276.220	268.556.382

31. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	530.077.238.789	522.351.857.043
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	19.673.644.278	16.934.271.584
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	(8.662.969.827)	(4.498.200.000)
- Trừ (-) thu nhập chưa tính thuế	(159.787.767)	(109.174.150)
- Cộng (+) thu nhập năm trước chưa tính thuế	109.174.150	194.134.281
- Tổng thu nhập tính thuế	541.037.299.623	534.872.888.758
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	108.207.459.925	106.974.577.752

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản cam kết dài hạn

Công ty có thực hiện các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐTĐ/DC1/2000 ngày 03/11/2017 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất tại:

Địa chỉ lô đất : Số 725, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Mục đích thuê: : Làm trụ sở Công ty

Diện tích đất : 3.644 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm từ ngày 09/4/1997

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm

- Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất tại:

Địa chỉ lô đất : Số 685, quốc lộ 14, phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Mục đích thuê: : Lâm Khách sạn Bom Bo

Diện tích đất thuê : 2.094,20 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm (đến ngày 27/10/2060)

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm

Ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không còn có bất kỳ khoản cam kết, tài sản tiềm tàng hay nợ tiềm tàng nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Công ty đã điều chỉnh hồi tố và trình bày lại số năm trước của chỉ tiêu Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	106.972.837.012	1.740.740	106.974.577.752
60	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	415.379.020.031	(1.740.740)	415.377.279.291

3. Thông tin về các bên liên quan

Tiền lương, thưởng và thu nhập khác của Người quản lý trong năm: **3.393.046.128 Đồng.**

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2024 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành có hiệu lực trong năm 2024 như sau:

- Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 10/4/2024.**
- Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội. Theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống 8%. **Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024.**
- Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Nghị định này thay thế Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ. **Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.**
- Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

Thành phố Đồng Xoài, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Cừ

Giám đốc



Nguyễn Đăng Khoa

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT
VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Phụ lục 03 _ Mẫu 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Ban hành kèm theo thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

Kỳ báo cáo: Năm 2024

D: Số dư của khoản mục; P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ số cuối kỳ	Năm trước/ số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D	1.752.216.046	1.752.216.046
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P		
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		D	-	-
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D		
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D		
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước		D		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D		
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D		
6. Vốn điều lệ		D	505.500.000.000	413.400.000.000
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			489.476.653.974	311.106.089.727
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P	1.730.028.409.774	1.531.829.013.346
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P	1.320.395.971.795	1.219.920.560.362
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P		
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P	409.632.437.979	311.908.452.984
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P	1.617.122.255.853	1.353.458.449.099
Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P	307.909.093.724	210.942.764.542
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D	602.382.807.895	489.476.653.974

Ghi chú:

- Báo cáo này được gửi cùng với BCTC quý, năm.
- Chỉ tiêu 8a, 8c cột số đầu kỳ điều chỉnh 1.740.740 đồng được thuyết minh tại mục: Thông tin so sánh mã số 51 và 60 trang 38 của thuyết minh BCTC

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh BP;
- Sở Tài chính tỉnh BP;
- Cục Thống kê;
- CT, BGĐ Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu VT, KT.

Bình Phước, ngày 26 tháng 02 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đăng Khoa